

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 180/2021/DS-PT

Ngày: 14/5/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Ái Doan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 240/2020/DS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị Kim L, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1997; (có mặt)

Địa chỉ: Khu C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị L1, sinh năm 1955; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Nguyễn Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – bà Phạm Thị Kim L, có người đại diện theo ủy quyền – chị Đoàn Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 27/3/2018, bà L có cho bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 140.000.000 đồng, có ký hợp đồng vay và công chứng tại Văn phòng Công chứng M, khi vay hai bên thỏa thuận không có lãi suất, thời hạn vay đến ngày 15/4/2020 hoàn trả vốn, nhưng bà L1 chỉ trả vốn được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 130.000.000 đồng chưa trả. Do đó, bà L yêu cầu bà L1 trả số tiền vốn vay 130.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 0,83%/tháng từ ngày 15/4/2020 đến ngày xét xử, trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà L số tiền 140.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay và công chứng ngày 27/3/2018 tại Văn phòng Công chứng M, sau đó bà có trả được 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 130.000.000 đồng cho đến nay chưa trả cho bà L. Nay bà L1 đồng ý trả cho bà L số tiền 130.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi chậm trả 0,83%/tháng từ ngày 15/4/2020 đến ngày xét xử do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 240/2020/DS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim L. Buộc bà Nguyễn Thị L1 trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền vay vốn 130.000.000 đồng, lãi 8.632.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 138.632.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/12/2020, bị đơn – bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, bà L1 đồng ý trả cho bà L số tiền 130.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian thực hiện lần đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh

tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Phạm Thị Kim L và bà Nguyễn Thị L1 trình bày thống nhất, ngày 27/3/2018 bà Phạm Thị Kim L có cho bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 140.000.000 đồng, có ký hợp đồng vay và được công chứng tại Văn phòng Công chứng M. Hợp đồng vay không có lãi suất. Thời hạn vay đến ngày 15/4/2020 hoàn trả vốn. Bà L1 chỉ trả vốn được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 130.000.000 đồng chưa trả cho bà L.

Bà L yêu cầu bà L1 trả số tiền vốn vay 130.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 0,83%/tháng từ ngày 15/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà L1 đồng ý trả cho bà L số tiền 130.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi chậm trả 0,83%/tháng từ ngày 15/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Xét bà L1 đã vi phạm hợp đồng về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền vốn vay cho bà L khi đến ngày 15/4/2020, theo thỏa thuận của hai bên đương sự. Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà L1 trả cho bà L 130.000.000 đồng tiền vốn vay và 8.632.000 đồng tiền lãi chậm trả khi đến hạn. Tổng cộng tiền vốn và lãi bà L1 phải trả cho bà L 138.632.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ pháp luật. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L1.

[5] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 240/2020/DS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị L1 trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền vốn vay 130.000.000 đồng, tiền lãi 8.632.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 138.632.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm đối với bà Nguyễn Thị L1.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C, TG;
- CCTHADS huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Hiếu